

Số 09/Hanoi Re-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 01/10/2013 và các Giấy phép điều chỉnh
- Vốn điều lệ: 1.044.000.000.000 VND (Một nghìn không trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 3734 2828
- Số fax: (024) 3734 2626
- Website: www.HanoiRe.com
- Mã cổ phiếu (HNX): PRE

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng 07/2011, Tổng công ty Tái bảo hiểm PVI – công ty con của PVI Holdings, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được thành lập với sứ mệnh trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu quốc tế.
- Tháng 10/2013, việc tăng vốn điều lệ lên 668 tỷ đồng thông qua cổ phần hóa là một mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đưa Công ty trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI ("PVI Re"), góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm của Công ty.
- Tháng 05/2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Năm 2018, sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, PVI Re nhận được Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính, hoạt động với vốn điều lệ thực góp là 728 tỷ đồng.

- Năm 2019, PVI Re được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 26/11/2019 và Đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, góp phần đem lại hình ảnh minh bạch hơn trong mắt công chúng.
- Ngày 30/09/2020, cổ phiếu của PVI Re được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PRE. Sau đó, ngày 24/12/2020, cổ phiếu PRE đã chính thức giao dịch trên HNX với mức giá tham chiếu 20.000 đồng.
- Ngày 20/07/2021 đánh dấu 10 năm PVI Re được thành lập và đi vào hoạt động. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, PVI Re đã vươn mình trở thành một công ty Tái bảo hiểm hoạt động tích cực tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.
- Tháng 09/2022, PVI Re nhận được Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp cho phép Công ty mở rộng nội dung hoạt động: Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm). Do đó, công ty tiếp tục cung cấp thêm nhiều dịch vụ cho thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.
- Trong năm 2022, PVI Re thực hiện triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 1.044 tỷ đồng. PVI Re đã nhận được Giấy phép chào bán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Trong năm 2023, PVI Re chính thức được Bộ Tài Chính cấp phép điều chỉnh số 86/GPĐC4/KDBH ngày 20/07/2023 ghi nhận số vốn điều lệ tăng lên 1.044 tỷ đồng.
- Từ ngày 03/08/2023, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) chính thức được Bộ Tài Chính cấp phép số 86/GPĐC5/KDBH chấp thuận đổi tên công ty thành Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội (Hanoi Re).

❖ **Các danh hiệu mà Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội đã đạt được:**

- Năm 2019, Bộ Tài chính trao tặng bằng khen ghi nhận với những thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Năm 2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng năng lực tài chính của PVI Re ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực) và được duy trì cho đến nay.
- Ngày 20/06/2022, PVI Re đã được IR Awards ghi nhận và đánh giá là một trong số ít các doanh nghiệp niêm yết thuộc lĩnh vực bảo hiểm đạt chuẩn, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Năm 2022, PVI Re cũng vinh dự được Bộ Trưởng Bộ Tài chính trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2021 và thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2021. Đây là sự ghi nhận đối với những nỗ lực không ngừng của PVI Re trong việc cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm cho thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ cũng như các hoạt động an sinh xã hội.

- Năm 2023 là năm thứ ba liên tiếp Hanoi Re được tổ chức A.M.Best duy trì xếp hạng tín nhiệm ở mức B++ (Tốt), xếp hạng năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành là bbb.

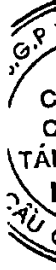
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Tái bảo hiểm

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

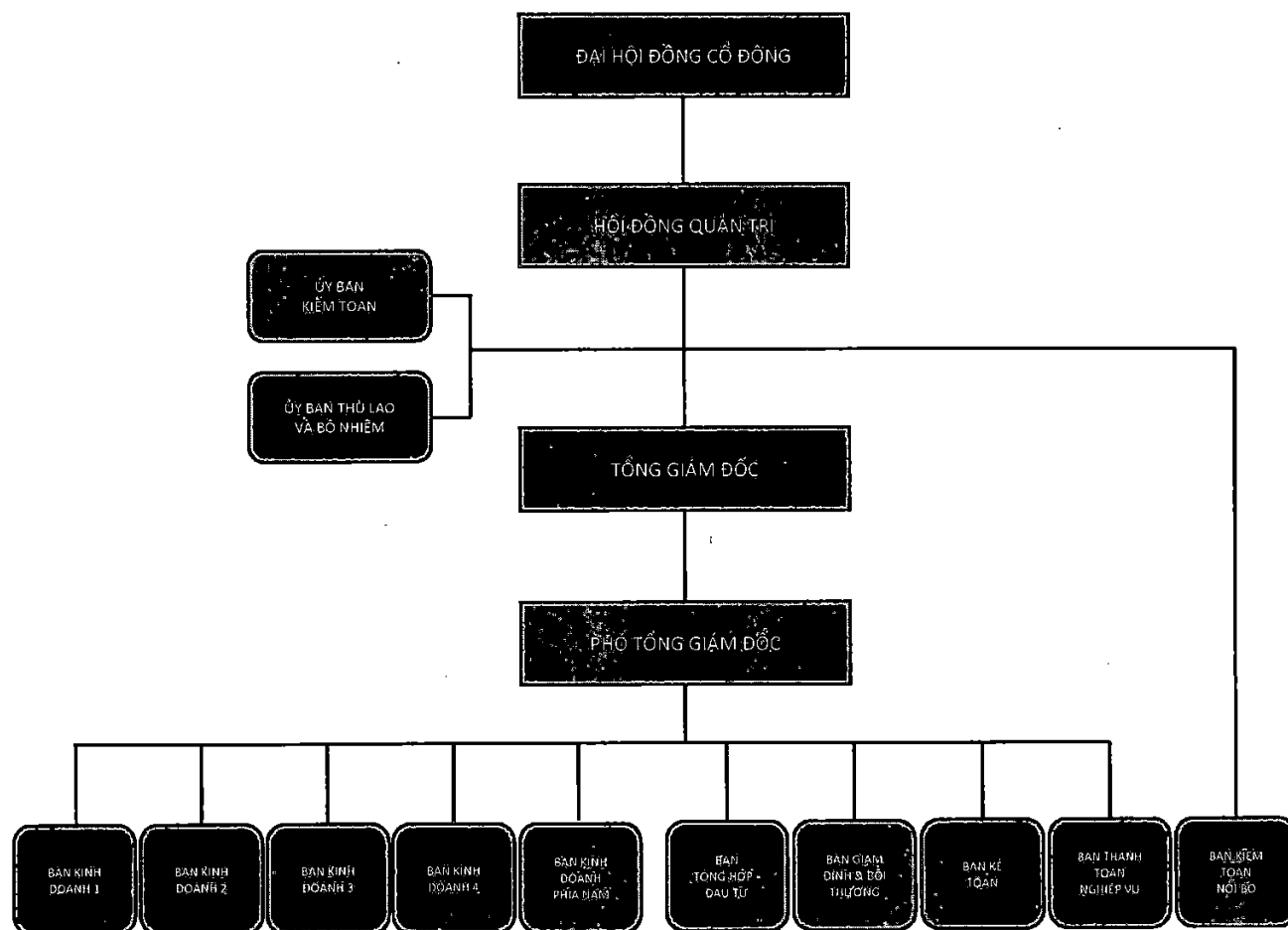
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ phi bảo hiểm nhân thọ sau đây:
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
 - Bảo hiểm nông nghiệp;
 - Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe;
- ❖ Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm).
- ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Hanoi Re hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý bao gồm Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HĐQT") (đảm bảo 20% số thành viên HĐQT là thành viên độc lập), Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") trực thuộc HĐQT, Tổng giám đốc. Năm 2023 HĐQT Hanoi Re đã thành lập thêm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm trực thuộc HĐQT.

❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ thông qua những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bổ sung và sửa điều lệ, quyết định bộ máy điều hành của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để

quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HĐQT bao gồm 05 thành viên trong đó cả 05 thành viên đều không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm	Không
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm	Không
Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Không
Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm	Không
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT	Không

❖ Ủy ban Kiểm toán

Hanoi Re hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, đối với cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban Kiểm soát, công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ủy ban Kiểm toán có chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty, giám sát hệ thống báo cáo tài chính, rà soát báo cáo tài chính, công bố thông tin và báo cáo cho HĐQT các vấn đề trọng yếu có liên quan.

Hiện tại, Ủy ban Kiểm toán có 02 thành viên là ông Trịnh Văn Lượng và ông Trần Duy Cường; trong đó, ông Trịnh Văn Lượng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Thành viên độc lập HĐQT của Công ty.

❖ Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

Ngày 19/5/2023, HĐQT Hanoi Re đã thành lập Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm trực thuộc HĐQT để tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn của HĐQT liên quan đến công tác quản trị nhân lực cấp cao.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm gồm 03 thành viên, ông Dương Thanh Danh Francois – Phó chủ tịch HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban, ông Phùng Tuấn Kiên và ông Trần Duy Cường là thành viên.

❖ Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT

Căn cứ theo khoản 1 Điều 85 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023, nhằm kiện toàn công tác quản trị và đáp ứng các quy định mới của Luật, Hanoi Re đã thành lập thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng nhiệm vụ là kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và kiểm toán các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Hiện tại, Ban Kiểm toán nội bộ có 01 Phó Ban phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ là bà Bùi Linh Hương.

❖ Ban Điều hành

Ban Điều hành của Hanoi Re có 05 thành viên. Tổng Giám đốc lãnh đạo điều hành toàn bộ hoạt động của Hanoi Re theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Hanoi Re và các quy định pháp luật khác có liên quan trên nguyên tắc đảm bảo doanh nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững.

Tổng Giám đốc phân công và ủy quyền điều hành cho các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng các công việc trong từng lĩnh vực.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chủ động chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai xuyên suốt đến kết quả cuối cùng, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền, ký các văn bản, hồ sơ, quyết định liên quan đến các công việc được phân công và ủy quyền đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các quy định của Hanoi Re, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.

Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Thương mại Quốc tế và tài chính
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư thiết bị điện, điện tử
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán

❖ Các Ban chức năng

Các Ban trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Tầm nhìn: Trở thành nhà Tái bảo hiểm số 1 Việt Nam và có thương hiệu trên thị trường quốc tế.
- Sứ mệnh:
 - + Cung cấp năng lực tái bảo hiểm an toàn, cạnh tranh
 - + Tích lũy dòng tiền, đầu tư hiệu quả
- Giá trị cốt lõi:
 - + Chuyên nghiệp
 - + Tôn trọng cam kết
 - + Tuân thủ và minh bạch
- Quan điểm phát triển: Phát triển hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích cho người lao động, khách hàng và các cổ đông.

4.2. Các mục tiêu kế hoạch năm 2024:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận tái bảo hiểm tạm thời. Tìm kiếm thị trường quốc tế mới có thể hỗ trợ các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời. Xây dựng hợp đồng cố định mới - hợp đồng bảo vệ các rủi ro nước ngoài.
- Liên tục mở rộng và tìm kiếm khách hàng, đa dạng hóa hoạt động phụ trợ bảo hiểm và đánh giá kỹ thuật chuyên sâu cho tổ chức tài chính.
- Chú trọng tốc độ chi trả bồi thường cho các đối tác nhằm tăng uy tín của công ty trên thị trường.
- Nghiên cứu mở rộng khai thác các dịch vụ, sản phẩm mới.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ trong từng khâu/quy trình làm việc: Marketing , Underwriting, Thanh toán nghiệp vụ, Giải quyết khiếu nại... Ban hành chính sách chất lượng dịch vụ cụ thể
- Đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay không phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về mặt tổng quát, rủi ro kinh tế là xác suất những thay đổi trong điều kiện kinh tế vĩ mô như Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... có tác dụng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư. Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó mang lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động

của nền kinh tế, chắc chắn Công ty cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

a. Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Với đặc thù ngành bảo hiểm, các biến động trong lãi suất có thể gây ra biến động trong giá trị tài sản, có ảnh hưởng lớn đến thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư của công ty đồng thời tác động lên biến động giá trên thị trường chứng khoán, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư tài chính của Công ty. Tính đến 31/12/2023, các khoản đầu tư tài chính của Hanoi Re là 2.794 tỷ đồng, chiếm khoảng 47,5% tổng tài sản và chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và đầu tư vào các đơn vị khác. Công ty phải đối mặt với rủi ro giảm hiệu quả đầu tư tài chính nếu xu hướng lãi suất tiền gửi biến động giảm mạnh trong tương lai.

Về phía nợ phải trả, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ nợ trong tương lai của công ty đối với các chủ hợp đồng. Ngoài ra, lãi suất tăng cũng ảnh hưởng đến kế hoạch vay nợ tài chính của Công ty khi làm tăng chi phí lãi suất.

Như vậy, yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Công ty đặc biệt sát sao theo dõi tác động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. Hanoi Re quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường tại thời điểm đầu tư để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của công ty. Ngoài ra, Hanoi Re xây dựng mức bù rủi ro theo phân loại tài sản để xác định được lãi suất kỳ vọng của sản phẩm đầu tư.

b. Rủi ro về tín dụng

Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động kinh doanh đầu tư tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ tài chính khác). Trong đó, rủi ro tín dụng từ hoạt động tái bảo hiểm là rủi ro khách hàng không thanh toán phí đúng theo cam kết và tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng tái bảo hiểm phát sinh (trong trường hợp Hanoi Re là bên nhận tái bảo hiểm) cũng như rủi ro đến từ việc đối tác tái bảo hiểm không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản bồi thường tái bảo hiểm cho công ty kịp thời (trong trường hợp Hanoi Re là bên nhượng tái bảo hiểm). Bên cạnh đó, rủi ro tín dụng cũng là một cấu phần của hoạt động đầu tư tài chính khi tiềm ẩn nguy cơ ngân hàng mất khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đúng cam kết, không đúng hạn và/hoặc rủi ro đến từ việc giá trị các khoản đầu tư của công ty suy giảm do kết quả kinh doanh của đối tác biến động tiêu cực. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách ban hành,

phân loại và rà soát định kỳ danh mục nhà nhận tái bảo hiểm an toàn cũng như danh sách các tổ chức tín dụng/công ty chứng khoán được phép thực hiện đầu tư.

Một nguồn rủi ro tín dụng khác là khi công ty bị hạ xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế do hoạt động kinh doanh kém. Tuy nhiên, cho đến nay Hanoi Re đã luôn nỗ lực để nâng cao xếp hạng quốc tế đánh giá bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới A.M.Best. Năm 2019, A.M.Best đã nâng hạng tín nhiệm năng lực tài chính của Hanoi Re từ B+ lên B++ và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành từ "bbb-" lên "bbb", với triển vọng ổn định cho cả hai chỉ tiêu này. Năm 2023, Hanoi Re tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm trên.

c. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối là rủi ro gây ra bởi những biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường lên những tài khoản có trạng thái ngoại tệ của công ty. Đối với các rủi ro Hanoi Re cần tái bảo hiểm, chênh lệch tỷ giá có thể gây ra bất lợi cho Hanoi Re trong trường hợp có sự chênh lệch về điều kiện, điều khoản thanh toán, mà cụ thể là điều kiện về đồng tiền thanh toán, giữa hợp đồng nhận tái bảo hiểm và hợp đồng nhượng tái bảo hiểm. Tỷ giá biến động mạnh cũng sẽ ảnh hưởng đến việc đánh giá lại và ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

d. Rủi ro về thanh toán

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Khả năng thanh toán có thể suy giảm trong các trường hợp danh mục đầu tư của công ty gặp khó khăn, do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp hoặc giá trị thanh khoản không đạt kỳ vọng. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Rủi ro pháp lý hình thành do sự hiện diện của các rủi ro vi phạm các quy định pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Hanoi Re đối mặt với rủi ro pháp lý khi không tuân thủ, không đáp ứng được hoặc không kịp thời cập nhật các quy định sửa đổi, bổ sung của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm và các quy định của luật pháp liên quan. Rủi ro pháp lý cũng tiềm ẩn khi Hanoi Re phát sinh tranh chấp với khách hàng nhận/nhượng tái bảo hiểm của công ty. Để kiểm soát các rủi ro này, Hanoi Re đã và đang thường xuyên cập nhật và sửa đổi kịp thời các quy định, chính sách, quy trình phù hợp với các quy định

pháp luật, đồng thời chú trọng đào tạo pháp lý và tuân thủ cho toàn thể cán bộ, nhân viên Hanoi Re.

Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng và chi phối bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định về thuế, các quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng nhiều quy định khác. Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào hoặc sự chậm trễ trong việc ban hành đồng bộ các quy định pháp luật cũng tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hanoi Re.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Hanoi Re sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro về nền kinh tế, rủi ro về môi trường pháp lý, cũng như những doanh nghiệp bảo hiểm khác, Công ty phải đối mặt với các rủi ro về thị trường, rủi ro trong hoạt động và rủi ro về quản lý và nhân sự.

e. Rủi ro thị trường

Khi Việt Nam gia nhập AFTA, APEC, WTO, CPTPP, EVFTA và hiệp định thương mại Việt - Mỹ, thì sự gia nhập của các công ty bảo hiểm nước ngoài sẽ làm thay đổi tính chất cạnh tranh của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Điều đó tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với tất cả các công ty kinh doanh bảo hiểm trong nước. Các công ty trong nước có động lực để phát triển khi hòa mình vào môi trường công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, tuy nhiên, họ phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có bề dày kinh nghiệm, công nghệ và tiềm lực tài chính vượt trội. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm trong nước phát triển khiến cho ngày một nhiều các công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm với các gói bảo hiểm, chính sách bảo hiểm đa dạng ra đời. Bản thân các công ty trong nước cũng phải không ngừng cạnh tranh lẫn nhau để giữ vững và mở rộng thị trường.

f. Rủi ro trong hoạt động

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm và mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng. Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm, việc đánh giá rủi ro được chấp thuận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời của thông tin được giám định, cung cấp từ khách hàng và đối tác nhượng tái bảo hiểm. Đây là rủi ro lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Rủi ro về quản lý và nhân sự

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, cạnh tranh lớn nên quản lý và nhân sự cũng là một trong những yếu tố tác động đến hoạt động của Công ty. Nếu có chính sách cho người lao động tốt, lương và đãi ngộ tốt sẽ thu hút được cán bộ giỏi, ngược lại,

Công ty sẽ gặp khó khăn khi không có lao động trình độ cao. Đây cũng là rủi ro tiềm ẩn nếu Hanoi Re không có chiến lược đúng đắn về mặt quản lý và nhân sự.

h. Rủi ro khác

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc phát triển thị trường mới không hiệu quả. Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với công ty tái bảo hiểm. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, ... Những sự kiện bất thường như thảm họa thiên tai, thảm kịch quy mô lớn có thể làm ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của công ty thông qua việc gây ra các khoản chi bồi thường lớn.

II. Tình hình hoạt động năm 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm so với năm 2022
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	5,941,579	5,883,530	-0.98%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	923,734	1,593,583	72.52%
TỔNG DOANH THU	2,901,604	2,989,921	3.04%
Doanh thu nhận TBH	2,444,144	2,457,313	0.54%
Thu hoa hồng nhượng TBH	246,079	245,055	-0.42%
Doanh thu khác từ HĐKD bảo hiểm	27,800	34,137	22.79%
Doanh thu hoạt động ĐTTC	183,582	253,417	38.04%
Doanh thu khác	0	0	
TỔNG CHI PHÍ	2,711,324	2,733,522	0.82%
Phí nhượng TBH	1,251,571	1,397,651	11.67%
Chi trả bồi thường thuộc TNGL	377,001	426,032	13.01%
Trích lập dự phòng nghiệp vụ	332,047	37,811	-88.61%
Hoa hồng nhận TBH	588,279	671,125	14.08%
Chi khác HĐKD bảo hiểm	88,024	100,282	13.93%
Chi phí quản lý	35,631	40,955	14.94%
Chi phí HD ĐTTC	38,771	58,948	52.04%
Chi phí khác	0	720	
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	190,281	256,399	34.75%
Lợi nhuận từ HĐKD bảo hiểm	45,470	62,650	37.78%
Lợi nhuận từ HĐ ĐTTC	144,811	194,469	34.29%
Lợi nhuận khác	0	-720	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	152,661	202,162	32.43%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hanoi Re năm 2022, 2023

Đánh giá:

Trong năm 2023, Hanoi Re tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng, không tái tục đối với các dịch vụ không hiệu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cần trọng hơn trong nhận tái bảo hiểm nước ngoài, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước.

Năm 2023, tổng doanh thu đạt 2.990 tỷ đồng, hoàn thành 112,2% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.457 tỷ đồng, hoàn thành 117% kế hoạch, có tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2022. Tổng chi phí trong năm 2023 của Công ty là 2.733,5 tỷ đồng, tương đương 111,9% kế hoạch.

Hanoi Re đã hoàn thành vượt mức kế hoạch với lợi nhuận trước thuế đạt 256,4 tỷ đồng, tương đương 114,8% kế hoạch. Đây là mức lợi nhuận cao nhất Công ty đạt được trong lịch sử kể từ khi thành lập.

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2023 đạt 194,5 tỷ đồng, tăng 34,29% so với năm 2022 và hoàn thành 106,6% so với kế hoạch đề ra. Kết quả đạt được là do hoạt động đầu tư tài chính của công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả vẫn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định. Bên cạnh đó, Công ty đã tích cực thu hồi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Với kết quả kinh doanh và lợi nhuận trên, trong năm 2023, Công ty đã thực hiện 3 đợt chi trả cổ tức bằng tiền, trong đó: thực hiện chi trả cổ tức lần 2 năm 2023 vào tháng 3/2022 với tỷ lệ 5%, chi trả cổ tức còn lại năm 2022 là 1,4% vào tháng 8/2023 và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023 vào tháng 12/2023 với tỷ lệ 11,5%.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu
Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc	1981	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 124.737 cổ phần chiếm 0,12% vốn điều lệ
Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc	1973	Thạc sỹ Thương mại quốc tế và Tài chính	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 14.340 cổ phần (chiếm 0,014% vốn điều lệ)
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc	1976	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần (chiếm 0,05% vốn điều lệ)

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu
Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc	1976	Kỹ sư thiết bị điện, điện tử	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10 cổ phần (chiếm 0,00 % vốn điều lệ)
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng	1986	Cử nhân Kế toán	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00 % vốn điều lệ)

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2023: 41 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Đơn vị: Triệu đồng

Hình thức đầu tư	Số dư đầu tư
Tiền gửi	1,725,409
Trái phiếu	0
Ủy thác đầu tư	489,686
Quỹ đầu tư (PIF + POF)	578,545

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5,941,579	5,883,530	-0.98%
Vốn chủ sở hữu	923,734	1,593,583	72.52%
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	2,444,144	2,457,313	0.54%
Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại	1,192,573	1,059,662	-11.14%
Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính	183,582	253,417	38.04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45,470	62,650	37.78%
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính	144,811	194,469	34.29%
Lợi nhuận khác	0	-720	
Lợi nhuận trước thuế	190,281	256,399	34.75%
Lợi nhuận sau thuế	152,661	202,162	32.43%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.02	1.05	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.95	0.98	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	84.5%	72.9%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5.43	2.69	Lần
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11.0%	12.2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16.8%	16.1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.8%	3.4%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	13.8%	15.5%	
4. Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
Tỷ lệ kết hợp (Combined ratio)	95.2%	94.6%	
Tỷ lệ tổn thất (Loss ratio)	46.4%	45.8%	
Tỷ lệ chi phí hoạt động (Expense ratio)	48.9%	48.8%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 104.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 104.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 13/11/2023 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam):

Danh mục	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Tổng
1. Cổ đông Nhà nước:	0%	0%	0%
2. Cổ đông khác:			
- Cá nhân	17,18%	0,16%	17,34%
- Tổ chức	82,27%	0,39%	82,66%
Tổng	99,45%	0,55%	100%

Danh mục	Tỷ lệ
1. Cổ đông lớn	87,98%
2. Cổ đông nhỏ	12,02%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, Hanoi Re đã thực hiện các đợt thay đổi vốn, cụ thể như sau:

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 10/2013	Tổng công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu của các cổ đông để tăng vốn điều lệ từ 460.000.000.000 đồng lên 668.000.000.000 đồng.			+ Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/ KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013.
Tháng 10/2016 đến tháng 09/2018	6.000.000	728.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2016; + Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018.
Từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2023	31.600.000	1.044.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022; + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 343/GCN-UBCK ngày 02/12/2022; + Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC5/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 03/08/2023.

Chi tiết từng đợt tăng vốn như sau:

Chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 460.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 668.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Tổng số lượng cổ phiếu: 66.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông: 74 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Bộ Tài chính

Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016

- Vốn điều lệ trước phát hành: 668.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 728.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 6.000.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 167:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 167 quyền mua được mua 15 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 57 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 57 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn năm 2016: Bộ Tài chính, Đại hội đồng cổ đông công ty.

Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022

- Vốn điều lệ trước phát hành: 728.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.044.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 31.600.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 182:79 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 334 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 334 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn này: Bộ Tài chính, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Đại hội đồng cổ đông công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b. Chính sách liên quan đến người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số nhân viên của Công ty là 41 người.

Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty cũng thường xuyên bổ sung nhân sự phù hợp với nhu cầu công việc với các chính sách để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương và thưởng: Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào hiệu quả công việc cũng như những thành tích nổi bật.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ nhân viên. Năm

BA
T
C
D
C
I
B
H
G

2023, Công ty vẫn tiếp tục triển khai mua bảo hiểm phúc lợi cho các cán bộ cấp cao nhằm tăng tính gắn kết lâu dài của người lao động với Công ty.

c. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2023, Hanoi Re đã tham gia các phong trào phát động tại địa phương, đóng góp vào các quỹ hỗ trợ và các hoạt động từ thiện khác như hiến máu nhân đạo, thăm hỏi và gửi quà cho các hoàn cảnh khó khăn; tài trợ chương trình của Hội sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Ngoại thương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

So với kết hoạch kinh doanh 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kết quả kinh doanh năm 2023 đã đạt được như sau:

- Tổng doanh thu đạt 2.989,9 tỷ đồng, hoàn thành 112% kế hoạch; trong đó doanh thu từ phí nhận TBH đạt 2.457 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch.
- Tổng chi phí là 2.733,5 tỷ đồng, tương đương 112% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 256,4 tỷ đồng, hoàn thành 115% kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 62,6 tỷ đồng, hoàn thành 153% kế hoạch; lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 194,4 tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	2022		2023		Tăng giảm	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	+/-	%
Tiền và các khoản đầu tư tài chính	2,704,518	46%	2,814,787	48%	110,269	4%
Các khoản phải thu ngắn hạn	493,970	8%	551,010	9%	57,040	12%
Tài sản tái bảo hiểm	2,328,532	39%	2,166,381	37%	(162,151)	-7%
Tài sản khác	414,560	7%	351,352	6%	(63,208)	-15%
Tổng tài sản	5,941,579	100%	5,883,530	100%	(58,049)	-1%
Nợ phải trả	1,378,303	23%	774,744	13%	(603,559)	-44%
Dự phòng nghiệp vụ	3,639,543	61%	3,515,203	60%	(124,340)	-3%
Vốn chủ sở hữu	923,734	16%	1,593,583	27%	669,849	73%
Tổng nguồn vốn	5,941,579	100%	5,883,530	100%	(58,049)	-1%

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2023 của Hanoi Re đạt 5.883,5 tỷ đồng, giảm 58 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2022 (tương đương 1%), trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 77% tổng tài sản, đạt giá trị 4.524,7 tỷ đồng chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tỷ trọng 25%) và tài sản tái bảo hiểm (tỷ trọng 37%). Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 551 tỷ đồng, tăng so với thời điểm cuối năm 2022 là 57 tỷ đồng (tương đương 12%). Các khoản phải thu khách hàng tăng 53,4 tỷ đồng tương đương 11%, chủ yếu do số dư lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính tăng 57 tỷ đồng từ 40,7 tỷ đồng lên 97,7 tỷ đồng (tương đương 140%) tại cuối năm 2023, do Hanoi Re tập trung đầu tư vào các hợp đồng tiền gửi từ giai đoạn cuối năm 2022 để tận dụng lãi suất tốt, số dư các khoản tiền gửi dài hạn cũng tăng 543 tỷ tương ứng 279% so với năm 2022 tạo nên số lãi dự thu lũy kế là 52,5 tỷ tại thời điểm cuối năm.

Về Cơ cấu tài sản tại thời điểm cuối năm 2023, tiền và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 2.814,7 tỷ đồng chiếm tỷ trọng cao nhất 48% tổng tài sản, các khoản đầu tư tài chính của Hanoi Re chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, đầu tư vào 2 quỹ POF, PIF và trái phiếu chờ đến ngày đáo hạn. Tài sản tái bảo hiểm có giá trị 2.166,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 37% tổng tài sản, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Phải thu ngắn hạn khách hàng chiếm 9% trong cơ cấu tài sản. Các khoản nợ phải thu chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm và được trích dự phòng đầy đủ theo đúng qui định.

b. Cơ cấu nguồn vốn

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 là 774,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13% tổng nguồn vốn và giảm 603,5 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, chủ yếu do khoản 645,3 tỷ đồng bao gồm gốc và lãi nhập gốc thu từ phát hành thêm cổ phiếu của Hanoi Re được phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An đã được giải tỏa và ghi nhận vào vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần.

Các khoản dự phòng nghiệp vụ là 3.515 tỷ đồng, có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn vốn chiếm 60%, giảm 124 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

Về Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 là 1.593,5 tỷ đồng, tăng 669,8 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, đó là do phần thặng dư vốn cổ phần là 329,3 tỷ đồng, quỹ dự trữ bắt buộc là 71,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 là 202,2 tỷ đồng, quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế 9,9 tỷ đồng. Ngoài ra, chi trả cổ tức 3 đợt bằng tiền mặt trong năm 2023 tương đương tỷ lệ 15,4% trong khi năm 2022 chi trả cổ tức 2 đợt với tỷ lệ 16% (chi trả cổ tức lần 2 năm 2021 với tỷ lệ 7% và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 vào tháng 12/2022 với tỷ lệ 9%).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để tăng cường các công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ, Hanoi Re đã ban hành các Quy định, Quy chế liên quan; thực hiện thành lập Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm trực thuộc HĐQT từ 19/05/2023 với chức năng tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn của HĐQT liên quan đến công tác quản trị nhân lực cấp cao của

Hanoi Re.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận tái bảo hiểm tạm thời. Tìm kiếm thị trường quốc tế mới có thể hỗ trợ các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời.
- Liên tục mở rộng và tìm kiếm khách hàng, đa dạng hóa hoạt động phụ trợ bảo hiểm và đánh giá kỹ thuật chuyên sâu cho tổ chức tài chính.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường trong nước đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Chú trọng đánh giá hiệu quả từng hợp đồng khai thác, tăng mức giữ lại hợp lý.
- Đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty: đã báo cáo tại phần Tình hình hoạt động năm 2023.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Hoàn thành kế hoạch kinh doanh:

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2022, HĐQT Hanoi Re đã chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao như sau:

- Tổng doanh thu đạt 2.989,9 tỷ đồng, hoàn thành 112% kế hoạch;
- Tổng chi phí là 2.733,5 tỷ đồng, tương đương 112% kế hoạch;
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 256,4 tỷ đồng, hoàn thành 115% kế hoạch;
- Đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức là 16%, đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 lần 1 vào tháng 12/2023 với tỷ lệ 11,5%.

2. Hoạt động đầu tư tài chính hiệu quả:

Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2023 đạt 2.569,8 tỷ đồng, tăng 505,3 tỷ đồng so với năm 2022. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính đạt 194,5 tỷ đồng, hoàn thành 107% so với kế hoạch đề ra. Tỷ trọng Lợi nhuận đầu tư tài chính trên Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 75,85%.

Trong năm 2023, Hanoi Re ghi nhận sự chuyển đổi về cơ cấu danh mục đầu tư, tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư các khoản trái phiếu (theo hình thức Ủy thác đầu tư), trong đó tiền gửi ngân hàng chiếm 67%, trái phiếu chiếm 10,11%.

3. Công tác quản trị công ty:

Hệ thống quản trị nội bộ được hoàn thiện: tiếp tục xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ (ERM); dự án xây dựng báo cáo tài chính chuẩn IFRS đáp ứng đúng tiến độ và chuẩn bị được áp dụng chính thức.

Về công tác tăng vốn điều lệ, Ngày 20/7/2023, Công ty đã nhận được Giấy phép điều

chính của Bộ Tài chính số 86/GPĐC4/KDBH ghi nhận vốn điều lệ mới 1.044 tỷ đồng.

Ngày 03/08/2023, Công ty đã chính thức được Bộ Tài Chính cấp giấy phép số 86/GPĐC5/KDBH chấp thuận đổi tên Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) thành Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội (Hanoi Re). Công ty đã tổ chức thành công lễ ra mắt thương hiệu mới vào ngày 20/9/2023 với sự tham dự của Cơ quan quản lý, khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Đồng thời Hanoi Re cũng đã hoàn tất triển khai thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc đổi tên nhằm đảm bảo hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty được thông suốt, không gián đoạn và tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành.

4. Xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best:

Tháng 2/2023, Hanoi Re đã bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best và tiếp tục khẳng định xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt), xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực).

5. Công tác quan hệ cổ đông:

Hanoi Re là doanh nghiệp đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán luôn minh bạch và tuân thủ các quy định về công bố thông tin. Các thủ tục chốt danh sách cổ đông và chốt quyền của cổ đông cũng được chú trọng và thực hiện theo đúng các quy định, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại từ phía cổ đông. Hanoi Re cũng duy trì kênh thông tin truyền thông để giải đáp các thắc mắc, câu hỏi của các cổ đông và nhà đầu tư một cách kịp thời.

6. Công tác giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý:

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đã thực hiện giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty trong năm 2023:

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tham dự các cuộc họp giao ban của Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý;
- Kịp thời chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành kiện toàn công tác nhân sự;
- Theo sát hoạt động kinh doanh của Công ty, ký các văn bản, xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT do Tổng giám đốc trình;
- Về công tác đầu tư, HĐQT đã sát sao chỉ đạo Ban điều hành theo dõi các biến động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

7. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo Hanoi Re hoàn thành kế hoạch năm 2023.

- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp, chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận.
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát, kiểm toán nội bộ. Chỉ đạo hoàn thiện và đưa vào áp dụng báo cáo IFRS 17 theo yêu cầu.
- Chỉ đạo công tác rà soát, đánh giá và quy hoạch cán bộ.
- Chỉ đạo tối đa hóa hiệu quả quản lý dòng tiền, đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.
- Chỉ đạo xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại để thuận tiện cho việc quản trị hệ thống. Triển khai các dự án công nghệ, phần mềm (Phần mềm theo dõi thu nhập, Thuế TNCN, các báo cáo nghiệp vụ ứng dụng tích hợp các chức năng quản trị khác...).

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu/ đại diện
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT	1976	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần đại diện sở hữu: 36.540.000 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT	1969	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần đại diện sở hữu: 26.100.000 cổ phần chiếm 25% vốn điều lệ
Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	1969	Cử nhân Tài chính	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 49.091 cổ phần chiếm 0,05% vốn điều lệ
Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT	1975	Thạc sỹ Kế toán	Số cổ phần đại diện sở hữu: 22.017.960 cổ phần chiếm 21,09% vốn điều lệ
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT	1995	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 7.192.814 cổ phần chiếm 6,89% vốn điều lệ

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, HĐQT Hanoi Re đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc một cách sâu sát, kịp thời đưa ra những chỉ đạo nhằm giúp Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi, hiệu quả phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Hanoi Re cũng như theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT. Một số công việc cụ thể như sau:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, ngoài việc thông qua các nội dung báo cáo định kỳ hàng năm, ĐHĐCĐ đã thông qua nhiều nội dung quan trọng bao gồm: xử lý lãi tiền gửi trên tài khoản phong tỏa góp vốn của cổ đông, thông qua việc chấp thuận đổi tên công ty thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội.
- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp HĐQT vào các ngày 02/03/2023, 19/05/2023, 06/09/2023, 29/11/2023. Các phiên họp của HĐQT cũng thường xuyên có sự tham gia của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán để cùng nắm bắt được tình hình cũng như đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi đưa ra Nghị quyết, Quyết định. HĐQT đã ban hành 50 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 25 Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty.
- HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và đưa ra những chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo và đẩy mạnh các hoạt động để nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ, tập trung chủ yếu vào các nội dung chủ yếu như sau:
 - + Ban hành Tuyên bố khẩu vị rủi ro năm 2023 của Hanoi Re; Ban hành các Quy chế, Quy định: Quy chế quản trị rủi ro, Quy chế Quản lý Nhân sự.
 - + Kiện toàn công tác nhân sự: thành lập Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm trực thuộc HĐQT với chức năng tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn của HĐQT liên quan đến công tác quản trị nhân lực cấp cao của Hanoi Re.
- HĐQT đã chỉ đạo công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 về cả doanh thu và lợi nhuận. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm

2022 bằng tiền với tỷ lệ 14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng và 1,4% trên vốn điều lệ 1.044 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức bằng tiền lần thứ nhất năm 2023 với tỷ lệ 11,5%.

d. Các hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

2. Ủy ban Kiểm toán

a. Thành viên và cơ cấu của UBKT:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT	Trình độ chuyên môn
1	Trịnh Văn Lượng	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021	Cử nhân Tài chính
2	Trần Duy Cường	Thành viên UBKT	Bổ nhiệm ngày 27/10/2021	Thạc sỹ Kế toán

b. Hoạt động của UBKT:

- Cuộc họp của UBKT: 04 cuộc họp
- Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông: Trong năm 2023, UBKT/BKS đã thực hiện 04 Báo cáo Kiểm tra, giám sát; nội dung chủ yếu là về Tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính cũng như tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Các báo cáo này đã được trình bày thảo luận tại các cuộc họp HĐQT.
- Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: HĐQT, Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện để UBKT thực hiện tốt chức năng của mình, UBKT nhận được đầy đủ tài liệu và tham dự các cuộc họp của HĐQT. Các ý kiến của UBKT gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc được chuyển đầy đủ và kịp thời.

3. Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm:

a. Thành viên và cơ cấu của UB Thù lao & Bổ nhiệm:

STT	Thành viên UBK Thù lao & Bổ nhiệm	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UB Thù lao & Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Dương Thanh Danh Francois	Chủ nhiệm UB	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
2	Phùng Tuấn Kiên	Thành viên UB	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

STT	Thành viên UBK Thù lao & Bổ nhiệm	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UB Thù lao & Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
3	Trần Duy Cường	Thành viên UB	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023	Thạc sỹ Kế toán

b. Hoạt động của UB Thù lao và Bổ nhiệm:

- Cuộc họp của UB Thù lao và Bổ nhiệm: 02 cuộc họp
- Hoạt động UB Thù lao và Bổ nhiệm đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông: Trong năm 2023, UB Thù lao và Bổ nhiệm đã tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn của HĐQT liên quan đến công tác quản trị nhân lực cấp cao của Hanoi Re.
- Sự phối hợp hoạt động giữa UB Thù lao và Bổ nhiệm đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: HĐQT, Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện để UB Thù lao và Bổ nhiệm thực hiện tốt chức năng của mình và đưa ra các ý kiến tới HĐQT đầy đủ và kịp thời.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Chi tiết tại Báo cáo tài chính đính kèm.

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do
1	Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	1.078.597	1.130.000	Mua vào
2	Phan Trịnh Quốc Kiên	191.736	141.736	Bán ra

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Chi tiết tại Báo cáo tài chính đính kèm.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được đính kèm bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT, TH-ĐT,



Phùng Tuấn Kiên
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI
(Trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Hanoi Re 

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 36



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM HÀ NỘI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI đã chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC5/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 03 tháng 8 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch
Ông Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Phúc Anh	Thành viên
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên
Ông Trần Duy Cương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng



BỘ
TỔNG
ÔNG
CỔ PHẦN
TÁI BẢO
HÀ NỘI
4/5 -

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI BẢO HIỂM HÀ NỘI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Số: 7390 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI) (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 07 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2023-001-1

Nguyễn Khương Duy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5063-2020-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 02 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		4.524.705.560.767	5.125.357.233.075
I. Tiền	110	5	21.145.198.339	601.499.861.209
1. Tiền	111		21.145.198.339	601.276.925.892
2. Tiền đang chuyển	113			222.935.317
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.476.943.752.350	1.329.472.480.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.476.943.752.350	1.329.472.480.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		551.009.651.362	493.969.658.338
1. Phải thu khách hàng	131	7	553.363.867.834	500.010.645.276
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		455.660.505.725	459.264.548.182
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		97.703.362.109	40.746.097.094
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		644.731.186	434.042.275
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(2.998.947.658)	(6.475.029.213)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		309.225.925.934	371.883.394.432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	309.225.925.934	371.883.394.432
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		309.002.488.756	371.763.891.853
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		223.437.178	119.502.579
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	15	2.166.381.032.782	2.328.531.839.096
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		694.160.522.593	579.276.826.818
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.472.220.510.189	1.749.255.012.278
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.358.824.739.644	816.222.263.520
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000.000	8.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		10.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1		10.000.000.000	8.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.361.909.825	4.244.201.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.597.767.222	3.398.248.711
Nguyên giá	222		9.748.665.693	9.748.665.693
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.150.898.471)	(6.350.416.982)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	764.142.603	845.952.682
Nguyên giá	228		25.169.870.000	24.747.266.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.405.727.397)	(23.901.313.318)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.316.697.672.810	773.545.450.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.316.697.672.810	773.545.450.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		28.765.157.009	30.432.612.127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	28.765.157.009	30.432.612.127
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.883.530.300.411	5.941.579.496.595

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		4.289.946.854.087	5.017.845.659.465
I. Nợ ngắn hạn	310		4.289.946.854.087	5.017.845.659.465
1. Phải trả cho người bán	312	12	599.333.173.168	614.647.237.867
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		557.817.147.431	585.093.899.382
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		41.516.025.737	29.553.338.485
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	24.554.569.220	18.110.351.715
3. Phải trả người lao động	315		19.484.913.180	10.366.830.868
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	124.961.587.801	730.017.352.908
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		114.682.983.666	127.944.214.714
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		10.278.604.135	602.073.138.194
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.409.586.395	5.161.195.907
6. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.515.203.024.323	3.639.542.690.200
6.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	15	1.233.129.373.507	1.187.085.767.903
6.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	15	2.089.193.609.830	2.291.366.751.963
6.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	15	192.880.040.986	161.090.170.334
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.593.583.446.324	923.733.837.130
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	1.593.583.446.324	923.733.837.130
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.044.000.000.000	728.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		329.328.334.779	-
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		71.856.612.511	61.931.718.308
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		148.398.499.034	133.802.118.822
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.883.530.300.411	5.941.579.496.595

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	95.944	334.232
Bảng Anh	GBP	16.721	224
Euro	EUR	12.048	11.862


Trần Quốc Cường
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng




Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.407.693.868.143	1.199.428.178.827
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	253.416.943.329	183.581.687.731
3. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.304.089.168.011	1.118.326.593.772
4. Chi phí hoạt động tài chính	22	58.947.831.646	38.771.122.503
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	40.954.851.005	35.631.294.058
6. Chi phí khác	24	719.665.917	.
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12-20-22-23-24)	50	256.399.294.893	190.280.856.225
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	54.237.611.608	37.620.184.834
9. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	202.161.683.285	152.660.671.391
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.240	2.007

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)	01	17	2.411.269.384.097	2.053.277.129.546
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		2.457.312.989.701	2.444.143.777.316
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		46.043.605.604	390.866.647.770
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)	02	18	1.282.766.938.863	1.127.727.932.161
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.397.650.634.638	1.251.570.578.399
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		114.883.695.775	123.842.646.238
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1.128.502.445.234	925.549.197.385
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		279.191.422.909	273.878.981.442
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		245.054.647.415	246.078.951.220
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		34.136.775.494	27.800.030.222
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		1.407.693.868.143	1.199.428.178.827
6. Chi bồi thường	11		890.048.683.782	937.436.986.841
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		464.017.012.903	560.436.291.722
8. (Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(202.173.142.133)	(141.662.263.286)
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(277.034.502.089)	(170.907.894.487)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	19	500.893.030.835	406.246.326.320
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		31.789.870.652	35.777.195.967
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	17	20	771.406.266.524	676.303.071.485
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		671.124.646.489	588.278.957.891
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		100.281.620.035	88.024.113.594
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		1.304.089.168.011	1.118.326.593.772
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		103.604.700.132	81.101.585.055

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	253.416.943.329	183.581.687.731
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	58.947.831.646	38.771.122.503
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		194.469.111.683	144.810.565.228
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	40.954.851.005	35.631.294.058
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		257.118.960.810	190.280.856.225
20. Chi phí khác	32		719.665.917	.
21. (Lỗ) khác (40=32)	40		(719.665.917)	-
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		256.399.294.893	190.280.856.225
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	54.237.611.608	37.620.184.834
24. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		202.161.683.285	152.660.671.391
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.240	2.007


Trần Quốc Cường
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởngNguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	1.134.446.596.230	815.736.756.196
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	7.186.007.418	1.372.592.116
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	12	1.107.573.373	1.289.000.000
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(256.343.706.836)	(157.232.238.873)
5. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(631.798.764.186)	(440.723.818.163)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(67.195.943.821)	(55.845.552.430)
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(45.201.863.863)	(43.848.373.592)
8. Tiền lãi vay đã trả	04	(9.641.102.308)	(2.755.126.658)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(63.985.121.673)	(49.950.399.468)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(5.473.121.709)	(4.410.301.000)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(4.731.213.591)	(5.362.652.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.369.339.034	58.269.885.492
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.529.184.537.322	1.350.255.824.497
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	169.088.289.386	174.420.695.130
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(2.224.454.419.764)	(1.490.102.280.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(232.209.000)	(3.339.338.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(526.413.802.056)	31.234.901.319
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do đi vay	31	470.028.419.198	121.667.265.940
2. Tiền thu do chủ sở hữu góp vốn	32	57.145.014.773	588.487.320.000
3. Tiền đã trả nợ vay	34	(470.028.419.198)	(121.667.265.940)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(169.429.792.281)	(114.993.037.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(112.284.777.508)	473.494.282.845
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(580.329.240.530)	562.999.069.656
Tiền đầu năm	60	601.499.861.209	37.995.524.279
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25.422.340)	505.267.274
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	575.152.198.339	601.499.861.209


Trần Quốc Cường
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI) (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC4/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2023, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.044.000.000.000 VND, và theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC5/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 03 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Hà Nội.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI Holdings"), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày cuối năm		Vốn thực góp tại ngày đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	846.536.100.000	81,09%	532.268.250.000	73,11%
Các cổ đông khác	197.463.900.000	18,91%	195.731.750.000	26,89%
	1.044.000.000.000	100%	728.000.000.000	100%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 41 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 39 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính; và
- Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. QUY ĐỊNH MỚI ĐÃ CÓ HIỆU LỰC TRONG NĂM

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ("Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022") quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Ngày 01 tháng 7 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ("Nghị định số 46") quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022. Ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC ("Thông tư số 67") quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022, và hướng dẫn một số điều trong Nghị định số 46.

Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, thay thế cho Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 và các Luật sửa đổi, bổ sung ("Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000").

Nghị định số 46 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, thay thế Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000. Một số quy định tại Nghị định 46 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trong đó có quy định về tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính.

Thông tư số 67 có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 11 năm 2023, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022, và hướng dẫn một số điều trong Nghị định số 46. Một số quy định tại Thông tư số 67 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trong đó có quy định về tài chính, sản phẩm và môi giới bảo hiểm.

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022, Nghị định số 46 và Thông tư số 67 và đánh giá việc áp dụng các quy định này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị hợp lý của tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư và các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản trái phiếu được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất của các khoản này biến động theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản ủy thác đầu tư bao gồm các ủy thác đầu tư trái phiếu được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất của các khoản này biến động theo lãi suất thị trường.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và ủy thác đầu tư vào trái phiếu có thời điểm tất toán được thống nhất trước với công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán “Ghi nhận chi phí”.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí

- *Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn:

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong năm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối:

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với hoạt động tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong năm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành được xác định tương đối chắc chắn. Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ. Tại thời điểm lập báo cáo doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác định phần công việc đã hoàn thành.

Ghi nhận chi phí

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm tài chính này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	177.462.444	177.462.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.967.735.895	12.612.143.448
Tiền đang chuyển	-	222.935.317
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa nhận vốn góp		588.487.320.000
	21.145.198.339	601.499.861.209

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.215.095.975.160	2.215.095.975.160	-	1.524.472.480.000	1.524.472.480.000	-
<i>Ngắn hạn</i>	1.476.943.752.350	1.476.943.752.350	-	1.329.472.480.000	1.329.472.480.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	987.256.885.774	987.256.885.774	-	1.105.959.000.000	1.105.959.000.000	-
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	489.686.866.576	489.686.866.576	-	100.932.100.000	100.932.100.000	-
- Trái phiếu	-	-	-	122.581.380.000	122.581.380.000	-
<i>Dài hạn</i>	738.152.222.810	738.152.222.810	-	195.000.000.000	195.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iii)	658.152.222.810	658.152.222.810	-	195.000.000.000	195.000.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi dài hạn (iv)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	578.545.450.000	591.121.962.311	-	578.545.450.000	592.868.079.799	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (v)	304.545.450.000	311.265.155.898	-	304.545.450.000	315.500.061.094	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (vi)	274.000.000.000	279.856.806.413	-	274.000.000.000	277.368.018.705	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào các trái phiếu có bảo lãnh và không chuyển đổi với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iv) Phản ánh các khoản chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với thời hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	455.660.505.725	459.264.548.182
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	257.490.092.989	299.327.370.643
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	198.170.412.736	159.937.177.539
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	97.703.362.109	40.746.097.094
	553.363.867.834	500.010.645.276

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng trong nước	462.201.959.233	417.475.383.003
Phải thu khách hàng nước ngoài	91.161.908.601	82.535.262.273
	553.363.867.834	500.010.645.276

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 28):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	127.225.528.086	143.025.240.686
Hannover Re	3.304.288.100	166.961.545
Hannover Re - Malaysia Branch	1.803.252.536	550.302.782
	132.333.068.722	143.742.505.013

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	5.133.305.075	2.134.357.417	2.998.947.658	9.697.900.394	3.222.871.181	6.475.029.213
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV	821.649.347	371.701.475	449.947.872	.	.	.
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	701.126.475	188.998.730	512.127.745	6.265.786.694	1.649.114.723	4.616.671.971
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	501.609.722	90.192.809	411.416.913	501.213.626	150.519.285	350.694.341
- JLT Re Asia	482.506.509	224.881.617	257.624.892	64.100.031	42.841.878	21.258.153
- JLT Specialty Pte Ltd	451.170.826	225.585.413	225.585.413	-	-	.
- QBE Insurance Company Limited	331.499.070	170.556.969	160.942.101	198.607.899	139.025.529	59.582.370
- Trust Re Malaysia	231.648.317	41.355.435	190.292.882	807.604.220	433.393.951	374.210.269
- Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không	-	-	-	557.250.130	288.865.875	268.384.255
- Emirate Re	-	.	-	326.800.524	163.400.262	163.400.262
- AON Re Asia	191.232.266	2.295.381	188.936.885	194.129.901	2.426.396	191.703.505
- Miller (Labuan) Malaysia	.	.	-	181.714.103	105.988.241	75.725.862
- Phải thu các đối tượng khác	1.420.862.543	818.789.588	602.072.955	600.693.266	247.295.041	353.398.225

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	309.225.925.934	371.883.394.432
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	309.002.488.756	371.763.891.853
Số dư đầu năm	371.763.891.853	203.013.143.158
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	608.363.243.392	757.029.706.586
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(671.124.646.489)	(588.278.957.891)
Số dư cuối năm	309.002.488.756	371.763.891.853
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	65.280.909	44.683.636
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	158.156.269	74.818.943
b) Dài hạn	28.765.157.009	30.432.612.127
- Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tại Tòa nhà PVI Tower	26.232.520.710	26.748.024.219
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.532.636.299	3.684.587.908
	337.991.082.943	402.316.006.559

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.688.880.000	7.059.785.693	9.748.665.693
Số dư cuối năm	2.688.880.000	7.059.785.693	9.748.665.693
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	110.501.916	6.239.915.066	6.350.416.982
Trích khấu hao	448.146.667	352.334.822	800.481.489
Số dư cuối năm	558.648.583	6.592.249.888	7.150.898.471
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.578.378.084	819.870.627	3.398.248.711
Tại ngày cuối năm	2.130.231.417	467.535.805	2.597.767.222

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.139.549.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.946.131.385 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	24.747.266.000
Tăng trong năm	422.604.000
- Mua sắm mới	422.604.000
Số dư cuối năm	25.169.870.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	23.901.313.318
Trích khấu hao	504.414.079
Số dư cuối năm	24.405.727.397
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	845.952.682
Tại ngày cuối năm	764.142.603

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 23.908.313.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.375.313.000 VND).

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	557.817.147.431	585.093.899.382
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	360.242.067.858	393.699.552.632
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	141.922.292.710	137.748.627.968
- Phải trả khác	55.652.786.863	53.645.718.782
Phải trả khác cho người bán	41.516.025.737	29.553.338.485
	599.333.173.168	614.647.237.867

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán trong nước	448.509.011.618	445.193.707.586
Phải trả người bán nước ngoài	150.824.161.550	169.453.530.281
	599.333.173.168	614.647.237.867

Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 28):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	93.800.102.235	124.718.824.948
Hannover Re	12.262.328.770	1.011.546.480
Hannover Re - Malaysia Branch	1.283.278.036	19.974.545
	107.345.709.041	125.750.345.973

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Trong năm		Số cuối năm VND
		Thuế phải nộp VND	Thuế đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	40.794.518	724.111.565	721.341.408	43.564.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.137.139.826	54.237.611.608	47.326.485.027	22.048.266.407
- Những năm trước	15.137.139.826	2.033.056.379	16.886.158.325	284.037.880
- Năm 2023	-	52.204.555.229	30.440.326.702	21.764.228.527
Thuế thu nhập cá nhân	2.676.018.104	13.429.122.271	13.853.635.749	2.251.504.626
Thuế nhà thầu	256.399.267	1.313.442.456	1.383.607.429	186.234.294
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	722.051.278	697.052.060	24.999.218
	18.110.351.715	70.429.339.178	63.985.121.673	24.554.569.220

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	114.682.983.666	127.944.214.714
- Số dư đầu năm	127.944.214.714	96.489.804.916
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	231.793.416.367	277.533.361.018
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(245.054.647.415)	(246.078.951.220)
- Số dư cuối năm	114.682.983.666	127.944.214.714
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.278.604.135	602.073.138.194
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.599.608.983	1.331.220.349
- Phải trả về tiền thu được từ phát hành cổ phiếu chờ tăng vốn	-	588.487.320.000
- Chi phí cải tạo văn phòng	-	1.501.631.274
- Phải trả phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân sự cấp cao	3.665.000.000	3.665.000.000
- Phải trả PVI AM về chi phí ủy thác đầu tư	1.478.881.320	45.880.791
- Phải trả PVI Holdings liên quan đến chi phí văn phòng và công nghệ thông tin	745.307.931	1.932.132.356
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.789.805.901	5.109.953.424
	124.961.587.801	730.017.352.908

Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần PVI	745.307.931	590.223.464.852
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	1.478.881.320	45.880.791
	2.224.189.251	590.269.345.643

15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
1. Dự phòng bồi thường	2.089.193.609.830	1.472.220.510.189	616.973.099.641
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>1.966.327.960.345</i>	<i>1.402.337.978.457</i>	<i>563.989.981.888</i>
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	<i>122.865.649.485</i>	<i>69.882.531.732</i>	<i>52.983.117.753</i>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.233.129.373.507	694.160.522.593	538.968.850.914
	3.322.322.983.337	2.166.381.032.782	1.155.941.950.555

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	2.291.366.751.963	1.749.255.012.278	542.111.739.685
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(202.173.142.133)	(277.034.502.089)	74.861.359.956
Số dư cuối năm	2.089.193.609.830	1.472.220.510.189	616.973.099.641

Dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.187.085.767.903	579.276.826.818	607.808.941.085
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	46.043.605.604	114.883.695.775	(68.840.090.171)
Số dư cuối năm	1.233.129.373.507	694.160.522.593	538.968.850.914

Dự phòng dao động lớn	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	161.090.170.334	125.312.974.367
Số trích lập thêm trong năm	31.789.870.652	35.777.195.967
Số dư cuối năm	192.880.040.986	161.090.170.334

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	728.000.000.000	-	54.366.308.787	112.475.890.858	894.842.199.645
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	152.660.671.391	152.660.671.391
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	7.565.409.521	(7.565.409.521)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(116.480.000.000)	(116.480.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(7.289.033.906)	(7.289.033.906)
Số dư đầu năm nay	728.000.000.000	-	61.931.718.308	133.802.118.822	923.733.837.130
Tăng vốn trong năm (i)	316.000.000.000	329.328.334.779	-	-	645.328.334.779
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	202.161.683.285	202.161.683.285
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)	-	-	9.924.894.203	(9.924.894.203)	-
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	(171.076.000.000)	(171.076.000.000)
Trích các quỹ trong năm (iv)	-	-	-	(6.564.408.870)	(6.564.408.870)
Số dư cuối năm nay	1.044.000.000.000	329.328.334.779	71.856.612.511	148.398.499.034	1.593.583.446.324

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/NQ-PVIRE ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc thông qua phương án chi tiết tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc thông qua xử lý lãi tiền gửi trên tài khoản phong tỏa góp vốn. Ngày 20 tháng 7 năm 2023, Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC4/KDBH, thay đổi vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 728.000.000.000 VND lên 1.044.000.000.000 VND.
- (ii) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định hiện hành.
- (iii) Chia cổ tức trong năm cho cổ đông bao gồm:
- Tạm ứng cổ tức lần 02 năm 2022 theo Nghị quyết số 11/NQ-PVIRE ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Quản trị với số tiền 36.400.000.000 VND, tương ứng 5% vốn điều lệ là 728.000.000.000 VND.
 - Chi trả cổ tức còn lại năm 2022 theo Nghị quyết số 34/NQ-PVIRE ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Quản trị với số tiền 14.616.000.000 VND, tương ứng 1,4% vốn điều lệ mới là 1.044.000.000.000 VND.
 - Tạm ứng cổ tức lần 01 năm 2023 theo Nghị quyết số 39/NQ-Hanoi Re ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Quản trị với số tiền 120.060.000.000 VND, tương ứng 12% vốn điều lệ mới là 1.044.000.000.000 VND.
- (iv) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	104.400.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	104.400.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.400.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	104.400.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.400.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	104.400.000	72.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Tình hình sử dụng vốn thu được trong năm

Căn cứ kế hoạch sử dụng số vốn tăng thêm đã được công bố theo Bản Cáo bạch ngày 04 tháng 11 năm 2022, Tổng Công ty đã sử dụng số vốn 645.328.334.779 VND tăng thêm từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 vào các mục đích sau:

Nội dung	Số tiền đầu tư dự kiến	Số tiền thực tế đã sử dụng
	VND	VND
Đầu tư tiền gửi ngân hàng	377.000.000.000	380.297.885.774
Đầu tư dài hạn khác	255.000.000.000	265.030.449.005
	632.000.000.000	645.328.334.779

17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	2.457.312.989.701	2.444.143.777.316
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	<i>855.957.408.897</i>	<i>691.369.620.078</i>
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	<i>394.339.291.092</i>	<i>349.709.101.422</i>
<i>Bảo hiểm con người</i>	<i>371.317.933.841</i>	<i>173.750.313.633</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&I</i>	<i>217.696.184.352</i>	<i>186.554.957.760</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>199.526.679.062</i>	<i>445.441.302.556</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	<i>165.531.742.339</i>	<i>162.720.197.935</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>160.605.245.229</i>	<i>311.335.695.930</i>
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	<i>25.265.179.579</i>	<i>18.842.774.808</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>13.024.011.872</i>	<i>74.931.116</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>54.049.313.438</i>	<i>104.344.882.075</i>
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(46.043.605.604)	(390.866.647.770)
	2.411.269.384.097	2.053.277.129.546

18. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.397.650.634.638	1.251.570.578.399
Bảo hiểm tài sản	589.410.266.264	453.244.665.804
Bảo hiểm kỹ thuật	212.668.733.000	195.888.644.496
Bảo hiểm con người	176.060.800.257	1.246.114.377
Bảo hiểm thân tàu và P&I	124.744.448.536	128.134.896.225
Bảo hiểm xe cơ giới	4.430.418.930	3.179.503.841
Bảo hiểm hàng hoá	98.791.158.582	105.088.992.435
Bảo hiểm cháy nổ	138.193.331.851	306.593.094.806
Bảo hiểm năng lượng	17.270.220.753	19.664.670.822
Bảo hiểm hàng không	11.641.577.393	-
Bảo hiểm khác	24.439.679.072	38.529.995.593
(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(114.883.695.775)	(123.842.646.238)
	1.282.766.938.863	1.127.727.932.161

19. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi bồi thường	890.048.683.782	937.436.986.841
Bảo hiểm tài sản	240.449.369.603	346.134.419.302
Bảo hiểm kỹ thuật	65.890.758.306	55.896.068.104
Bảo hiểm con người	68.637.243.005	31.902.178.019
Bảo hiểm thân tàu và P&I	178.145.154.525	161.567.716.601
Bảo hiểm xe cơ giới	219.356.754.951	178.600.883.739
Bảo hiểm hàng hoá	33.862.795.079	12.302.169.847
Bảo hiểm cháy nổ	47.328.878.313	98.813.659.058
Bảo hiểm năng lượng	24.973.492.283	42.345.107.963
Bảo hiểm hàng không	1.382.343.201	5.961.091
Bảo hiểm khác	10.021.894.516	9.868.823.117
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(464.017.012.903)	(560.436.291.722)
(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	(202.173.142.133)	(141.662.263.286)
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	277.034.502.089	170.907.894.487
	500.893.030.835	406.246.326.320

20. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	671.124.646.489	588.278.957.891
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	7.503.916.595	5.923.880.255
Chi khác nhận tái bảo hiểm	27.120.046.834	21.152.331.743
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	65.657.656.606	60.947.901.596
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	29.472.257.637	26.853.150.446
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước	-	(5.177.666.906)
Chi phí đồ dùng văn phòng	185.475.408	927.364.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.897.974.127	4.582.980.641
Chi phí khác	30.101.949.434	33.762.072.572
	771.406.266.524	676.303.071.485

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	156.145.563.832	83.931.312.474
Lãi ủy thác đầu tư	15.229.379.616	10.551.464.843
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.972.909.381	30.967.420.129
Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.069.090.500	58.131.490.285
	253.416.943.329	183.581.687.731

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.450.204.979	28.865.402.436
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	19.048.146.708	6.899.063.716
Chi phí lãi vay	9.641.102.309	2.755.126.661
Chi phí ủy thác đầu tư	1.608.377.650	160.620.599
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	200.000.000	90.909.091
	58.947.831.646	38.771.122.503

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.317.792.832	23.304.543.163
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước	-	(5.245.015.351)
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.138.623.003	1.322.406.614
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.147.406.012	589.006.126
Thuế, phí và lệ phí	5.241.437.319	4.362.781.752
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	(3.128.473.399)	1.595.489.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.947.658.671	7.404.517.552
Chi phí khác	3.290.406.567	2.297.564.639
	40.954.851.005	35.631.294.058

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm	500.893.030.835	406.246.326.320
Tăng dự phòng dao động lớn	31.789.870.652	35.777.195.967
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	671.124.646.489	588.278.957.891
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	7.503.916.595	5.923.880.255
Chi khác nhận tái bảo hiểm	27.120.046.834	21.152.331.743
Chi phí nhân viên	53.790.050.469	50.157.693.609
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước	-	(10.422.682.257)
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.147.406.012	589.006.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.845.632.798	11.987.498.193
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	(3.128.473.399)	1.595.489.563
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.324.098.411	2.249.771.457
Chi phí khác	38.633.793.320	40.422.418.963
	1.345.044.019.016	1.153.957.887.830

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	256.399.294.893	190.280.856.225
Các khoản điều chỉnh		
Cộng:	18.922.736.326	3.103.954.024
- <i>Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>899.142.857</i>	<i>415.694.805</i>
- <i>(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước nhưng đã thực hiện trong năm nay</i>	<i>(1.049.809.281)</i>	<i>(2.498.550.900)</i>
- <i>Lãi tiền gửi phong tỏa ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>13.633.353.317</i>	
- <i>Chi phí không được khấu trừ khác</i>	<i>5.440.049.433</i>	<i>5.186.810.119</i>
Trừ:	<i>(14.299.255.073)</i>	<i>(5.283.886.078)</i>
- <i>Thu hồi các chi phí loại ra khi tính thuế các năm trước</i>	<i>(6.525.839.650)</i>	-
- <i>Chi phí loại ra khi tính thuế năm trước đã đủ điều kiện khấu trừ năm nay</i>	<i>(1.111.818.498)</i>	-
- <i>Doanh thu không chịu thuế (Cổ tức từ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp)</i>	<i>(4.047.606.985)</i>	<i>(6.333.695.359)</i>
- <i>(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản</i>	<i>(2.613.989.940)</i>	<i>1.049.809.281</i>
Thu nhập chịu thuế	261.022.776.146	188.100.924.171
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	52.204.555.229	37.620.184.834
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2.033.056.379	.
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.237.611.608	37.620.184.834

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	202.161.683.285	152.660.671.391
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	202.161.683.285	152.660.671.391
Trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.075.658.915)	(6.564.408.870)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	195.086.024.370	146.096.262.521
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.084.932	72.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.240	2.007

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 04.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	21.145.198.339	21.145.198.339	601.499.861.209	601.499.861.209
Phải thu khách hàng và phải thu khác	550.793.656.370	550.793.656.370	493.810.913.676	493.810.913.676
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	2.793.641.425.160	2.806.217.937.471	2.103.017.930.000	2.117.340.559.799
Tổng cộng	3.365.580.279.869	3.378.156.792.180	3.198.328.704.885	3.212.651.334.684
Công nợ tài chính				
Phải trả cho người bán và phải trả khác	608.012.168.320	608.012.168.320	1.215.389.155.712	1.215.389.155.712
Tổng cộng	608.012.168.320	608.012.168.320	1.215.389.155.712	1.215.389.155.712

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính bằng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 06.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

	Biên khả năng thanh toán	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.077 tỷ VND	307 tỷ VND	351%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	350 tỷ VND	306 tỷ VND	115%

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	161.032.670.742	213.233.747.689	177.241.456.689	239.506.122.568
Euro (EUR)	31.689.152.709	28.869.755.047	27.336.890.774	29.831.635.357
Won Hàn Quốc (KRW)	6.225.416.537	4.226.218.177	4.752.675.516	5.393.698.071
Rupêe Ấn Độ (INR)	2.422.956.185	85.611.365	13.203.172.570	600.169.078
Khác	9.998.550.942	6.339.300.173	9.231.375.569	5.056.601.775

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

Loại tiền	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	(324.175.719)	(525.447.498)
Won Hàn Quốc (KRW)	29.454.820	(23.349.598)
Euro (EUR)	87.045.239	(19.237.606)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số cuối năm	VND	VND	VND
Tiền	21.145.198.339	-	21.145.198.339
Phải thu khách hàng và phải thu khác	550.793.656.370	-	550.793.656.370
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.476.943.752.350	1.316.697.672.810	2.793.641.425.160
Tổng cộng	2.048.882.607.059	1.316.697.672.810	3.365.580.279.869

Phải trả cho người bán và phải trả khác	608.012.168.320	-	608.012.168.320
Tổng cộng	608.012.168.320	-	608.012.168.320

Chênh lệch thanh khoản thuần	1.440.870.438.739	1.316.697.672.810	2.757.568.111.549
-------------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số đầu năm	VND	VND	VND
Tiền	601.499.861.209	-	601.499.861.209
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.810.913.676	-	493.810.913.676
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.329.472.480.000	773.545.450.000	2.103.017.930.000
Tổng cộng	2.424.783.254.885	773.545.450.000	3.198.328.704.885

Phải trả cho người bán và phải trả khác	1.215.389.155.712	-	1.215.389.155.712
Tổng cộng	1.215.389.155.712	-	1.215.389.155.712

Chênh lệch thanh khoản thuần	1.209.394.099.173	773.545.450.000	1.982.939.549.173
-------------------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Re	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Re - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Rück SE - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ

Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần PVI		
Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ	4.342.729.866	4.149.185.261
Cổ tức đã trả	135.816.569.400	85.158.528.000
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành tăng vốn	40.048.380.000	588.487.320.000
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	1.256.272.329.105	1.441.199.793.552
Chi hoa hồng và chi phí khác nhận tái bảo hiểm	363.135.034.255	332.379.884.017
Chuyển phí nhượng tái	247.915.380.740	176.025.581.149
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	57.416.684.567	52.158.700.157
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	77.187.546.500	66.779.806.805
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	564.659.218.566	676.255.260.670
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	6.420.055.284	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI		
Phí tư vấn đầu tư	200.000.000	90.909.091
Phí ủy thác đầu tư	1.605.121.473	160.620.599
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI		
Góp vốn trong năm	-	100.000.000.000
Cổ tức được nhận	27.409.090.500	34.814.090.285
Mua trái phiếu	-	22.578.380.000
Bán trái phiếu	22.505.312.877	-
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI		
Nhận chuyển nhượng hợp đồng tiền gửi thông qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	283.804.877.572	-
Cổ tức được nhận	24.660.000.000	23.317.400.000
Hannover Re - Malaysia Branch		
Chuyển phí nhượng tái	1.178.803.227	1.061.265.156
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.198.054.001	867.175.709
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(16.918.239)	(6.292.083)
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	-	345.503
Hannover Re		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	34.100.817.426	15.231.878.955
Chuyển phí nhượng tái	50.063.859	47.792.358
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	49.290.552.269	2.913.281.729
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	28.509.670	85.809.694
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	17.772.753	16.966.277
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG		
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	8.788.392.194	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI		
Phải trả khác	745.307.931	590.223.464.852
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	127.225.528.086	143.025.240.686
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	93.800.102.235	124.718.824.948
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI		
Phải thu khác	-	2.027.134.718
Phải trả khác	1.478.881.320	45.880.791
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI		
Đầu tư góp vốn	304.545.450.000	304.545.450.000
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI		
Đầu tư góp vốn	274.000.000.000	274.000.000.000
Hannover Re		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	3.304.288.100	166.961.545
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	12.262.328.770	1.011.546.480
Hannover Re - Malaysia Branch		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	1.803.252.536	550.302.782
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	1.283.278.036	19.974.545

Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương sau thuế của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phùng Tuấn Kiên	324.000.000	47.308.442
Ông Dương Thanh Danh Francois	189.000.000	29.045.455
Ông Nguyễn Phúc Anh	121.500.000	14.522.727
Ông Trịnh Văn Lượng	189.000.000	108.000.000
Ông Trần Duy Cương	121.500.000	46.285.714
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	34.077.273
Ông Trương Minh Đức	-	2.314.286
Ông Vũ Văn Thắng	-	569.783.500
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Trịnh Anh Tuấn	2.465.196.511	1.721.242.289
Bà Lê Thị Thúy	1.725.556.165	1.170.528.489
Ông Nguyễn Hồng Long	1.604.284.521	1.137.709.989
Ông Nguyễn Anh Hùng	1.382.472.690	688.691.911
Ông Ngô Thanh Hải	1.220.660.029	944.936.799
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	-	280.937.468
	9.343.169.916	6.795.384.341

Tiền lương bổ sung sau thuế của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhận được trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phùng Tuấn Kiên	169.218.360	-
Ông Dương Thanh Danh Francois	126.913.770	-
Ông Nguyễn Phúc Anh	84.609.180	-
Ông Trịnh Văn Lượng	126.913.770	-
Ông Trần Duy Cường	101.531.016	-
Ông Vũ Văn Thắng	169.218.360	941.065.632
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Trịnh Anh Tuấn	1.930.811.075	1.164.768.676
Bà Lê Thị Thúy	746.528.572	803.502.870
Ông Nguyễn Hồng Long	722.026.072	745.528.750
Ông Nguyễn Anh Hùng	597.329.215	488.686.295
Ông Ngô Thanh Hải	508.575.715	605.930.900
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	-	129.062.746
	5.283.675.105	4.878.545.868

29. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm tổn thất	2019 VND	2020 VND	2021 VND	2022 VND	2023 VND	Tổng số VND
Số ước tính chi bồi thường lũy kế						
Vào cuối năm tổn thất	298.794.437.187	298.508.704.931	1.063.906.787.030	467.348.114.322	206.800.319.614	206.800.319.614
1 năm sau	666.634.624.206	570.673.702.662	1.429.488.350.800	984.823.479.296	-	984.823.479.296
2 năm sau	688.811.349.752	654.720.851.469	1.564.009.369.205	-	-	1.564.009.369.205
3 năm sau	710.303.474.049	657.383.460.094	-	-	-	657.383.460.094
4 năm sau	682.532.696.659	-	-	-	-	682.532.696.659
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	682.532.696.659	657.383.460.094	1.564.009.369.205	984.823.479.296	206.800.319.614	4.095.549.324.868
Số đã chi trả bồi thường lũy kế						
Vào cuối năm tổn thất	37.816.822.787	37.331.936.925	110.009.482.576	106.240.496.911	34.774.143.186	34.774.143.186
1 năm sau	330.811.470.517	247.569.522.678	571.321.993.213	539.952.469.956	-	539.952.469.956
2 năm sau	482.302.619.676	377.830.377.346	795.500.009.825	-	-	795.500.009.825
3 năm sau	580.145.592.765	454.675.792.439	-	-	-	454.675.792.439
4 năm sau	613.568.666.710	-	-	-	-	613.568.666.710
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	613.568.666.710	454.675.792.439	795.500.009.825	539.952.469.956	34.774.143.186	2.438.471.082.116
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	68.964.029.949	202.707.667.655	768.509.359.380	444.871.009.340	172.026.176.428	1.657.078.242.752
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước						309.249.717.593
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm						1.966.327.960.345


30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ


Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và của niên độ trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.


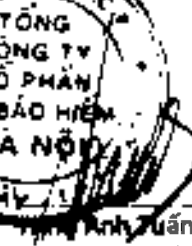
Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.


Trần Quốc Cường
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024